

HÌNH ẢNH CỦA *THỜI GIAN* TRONG NGÔN NGỮ

HUỲNH THANH TRIỀU*

Ai cũng biết rằng ngôn ngữ là một hoạt động mang tính tâm lí, vì vậy trong nhiều trường hợp nó phản ánh cái nhìn của con người hơn là phản ánh thực tế. Song, đôi khi chúng ta vẫn quên điều đó, và vẫn tìm cách giải thích các hiện tượng ngôn ngữ theo những sự việc mà chúng ta cảm nhận trên thực tế. Thói quen này có thể dẫn đến những trường hợp khó xử.

Trong vấn đề thời gian, có một quan niệm khá phổ biến, cho rằng *đang*, *đã*, *sẽ* của tiếng Việt được dùng để chỉ các thời hiện tại, quá khứ, tương lai. Nhưng mọi việc không hoàn toàn như vậy.

- (1) Ngày mai, vào giờ này, tôi đang ở trên máy bay.
- (2) Tối hôm đó, tôi về tới nhà lúc 9 giờ. Mọi người đang xem tivi.
- (3) Anh thấy chưa. Tôi đã nói là nói là cô ấy sẽ đến mà.
- (4) Tôi sẽ vào trường y. Một ngày nào đó mọi người sẽ thấy là tôi đã hành động đúng.

Nếu căn cứ vào thực tế, việc *tôi đang ở trên máy bay* của câu (1) sẽ diễn ra ở tương lai, việc *mọi người đang xem tivi* của câu (2) đã diễn ra trong quá khứ, việc *cô ấy sẽ đến* của câu (3) cũng đã diễn ra trong quá khứ và việc *tôi đã hành động đúng* của câu (4) sẽ diễn ra ở tương lai. Có một sự chênh lệch rõ ràng giữa *đang*, *đã*, *sẽ* và những thời điểm thật của các sự việc và điều đó cho thấy không thể căn cứ vào thực tế để giải thích cách sử dụng những thuật ngữ trên.

Trong những nghiên cứu của mình, Cao Xuân Hạo cũng lưu ý những trường hợp tương tự :

Hồi ấy, tôi đang học đệ tứ, còn anh thì đang chuẩn bị thi tú tài (đã học)*

Sáng mai, anh nên đến thật sớm, khi cả nhà đang ngủ (sẽ ngủ) [1]*

* TS, Trường ĐHSP Tp.HCM

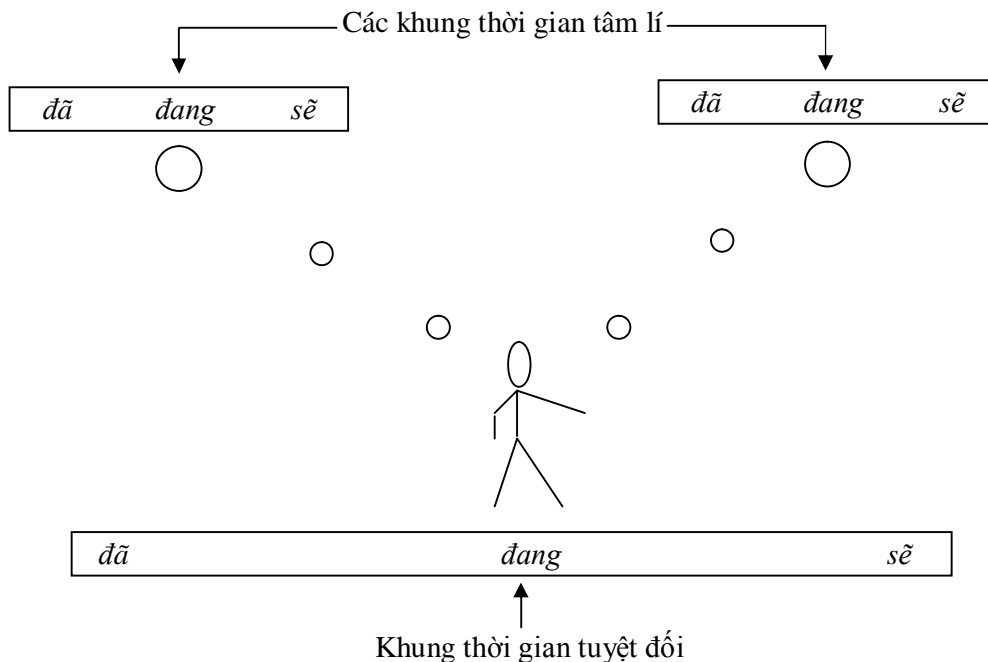
Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ ghi nhận những biểu hiện riêng rẽ của *đang*, *đã*, *sẽ* mà không đi tìm qui luật sử dụng của chúng, sẽ khó giải thích tại sao những thuật ngữ này có thể phản ánh sai thời điểm của các sự việc nhưng vẫn không gây cho chúng ta cảm giác “khác thường”. Và nếu *đang*, *đã*, *sẽ* đều có những trường hợp “trung thành” và “không trung thành” với thực tế, rất có thể những thuật ngữ trên thuộc về một kiểu tư duy đặc biệt, mang tính hệ thống, mà nguyên tắc hoạt động của nó cần được làm sáng tỏ.

Chúng ta tồn tại trong một khung thời gian tự nhiên, được tạo ra bởi sự vận động của vũ trụ. Đó là khung thời gian tuyệt đối. Trong khung thời gian này, thời điểm hiện tại được chúng ta lấy làm mốc. Những sự việc xảy ra đồng thời với điểm mốc được coi là *đang*, những sự việc xảy ra trước đó được coi là *đã* và những sự việc xảy ra sau đó được coi là *sẽ*. Như vậy, sự tồn tại của một điểm mốc là điều kiện tiên quyết cho việc sử dụng *đang*, *đã*, *sẽ*. Không có điểm mốc để qui chiếu, không thể có *đang*, *đã*, *sẽ*. Ngược lại, sự có mặt của *đang*, *đã*, *sẽ* báo hiệu sự tồn tại của một điểm mốc được dùng để qui chiếu. Nếu chúng ta bỏ qua một bên cái vỏ ngôn ngữ của những thuật ngữ trên, có thể nói rằng việc sử dụng một điểm mốc để xác định các sự việc trên dòng thời gian là một hiện tượng tâm lí, xảy ra như một qui luật tự nhiên, không khác gì việc chúng ta lấy chỗ đứng của mình làm trung tâm để định vị các vật thể trong không gian.

Xét về mặt sinh học, chúng ta bị “giam” vĩnh viễn ở thời hiện tại của khung thời gian tuyệt đối, vì chúng ta chỉ có thể vận động với cùng vận tốc của thời gian và vì chúng ta tiến tới đâu thì thời điểm đó ngay lập tức trở thành hiện tại. Chúng ta không thể tiến tới tương lai nhanh hơn bản thân thời gian và cũng không thể lui về quá khứ trong khi thời gian vẫn tiến tới phía trước.

Tuy nhiên, xét về mặt tâm lí, chúng ta không bị “giam” như vậy. Chúng ta hoàn toàn có khả năng hình dung mình không còn ở hiện tại, mà ở một thời điểm nào đó của tương lai hoặc quá khứ và lấy thời điểm đó làm mốc. Đặt mình vào điểm mốc này, chúng ta có thể quan sát những sự việc xảy ra đồng thời với cái nhìn của mình, những sự việc xảy ra trước đó và những sự việc xảy ra sau đó. Theo qui luật tự nhiên, những sự việc mang tính đồng thời phải được coi là *đang*, những sự việc đi trước phải được coi là *đã*, và những sự việc đi sau phải được coi là *sẽ*. Nói cách khác, qui tắc dựa vào một điểm mốc để định vị các sự việc vẫn

tồn tại ở đây, chỉ có điều nó diễn ra trong trí tưởng tượng của chúng ta, bên ngoài dòng thời gian tuyệt đối. Và kết quả là chúng ta tạo cho mình một khung thời gian tâm lí, cũng có *đang*, *đã*, *sẽ* nhưng hoàn toàn lệch so với khung thời gian tuyệt đối, với đặc thù của nó là *đang*, *đã*, *sẽ* không phản ánh chính xác thời điểm của các sự việc xảy ra trên thực tế. Điều đó cũng có nghĩa là hiện tượng chênh lệch lồi kéo toàn bộ khung thời gian, chứ không phải *đang* hay *đã* hay *sẽ* một cách riêng rẽ.



Khung thời gian tâm lí có thể được tạo ra bằng những phương thức đơn giản. Chúng ta chỉ cần nói *lúc đó*, *hồi đó*, *sáng nay*, *cách đây một năm*, *ngày mai*, *vào lúc 9 giờ ...*, lập tức trong đầu chúng ta xảy ra một sự “chuyển dịch” trên dòng thời gian và mỗi thời điểm nói trên cũng lập tức được chúng ta sử dụng như điểm mốc cho những sự việc có liên quan đến nó, tạo điều kiện cho việc hình thành một khung thời gian có nội dung giống như khung thời gian tuyệt đối, nhưng hoàn toàn thuộc về quá khứ hay tương lai và chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng.

Điều thú vị là ở chỗ ngay cả khi hệ thống *đang, đã, sẽ* rời khỏi khung thời gian tuyệt đối để biến thành khung thời gian tâm lí, việc sử dụng nó trong những câu chuyện hàng ngày vẫn để lại cho chúng ta một cảm giác tự nhiên. Thậm chí, lúc đó, không ai nhận thấy sự chênh lệch giữa *đang, đã, sẽ* và thời điểm thật của các sự việc. Một câu nói như “*Ngày mai, vào giờ nay, tôi đang ở trên máy bay*” không làm cho ai thấy khó hiểu, vì trong đầu người nói cũng như trong đầu người nghe đều xảy ra hiện tượng chuyển dịch về phía tương lai. Và một khi chúng ta chấp nhận “sống ở tương lai” để có thể nhìn việc *ở trên máy bay* như là đồng thời, chúng ta đã có đủ lí do để nói *đang*, mặc dù về lí trí cả người nói lẫn người nghe đều ngầm hiểu là *sẽ*. Như vậy, *đang, đã, sẽ* không diễn đạt thời gian tuyệt đối, mà chỉ diễn đạt quan hệ thời gian so với một điểm mốc và điểm mốc đó có thể là thật, có thể là ảo.

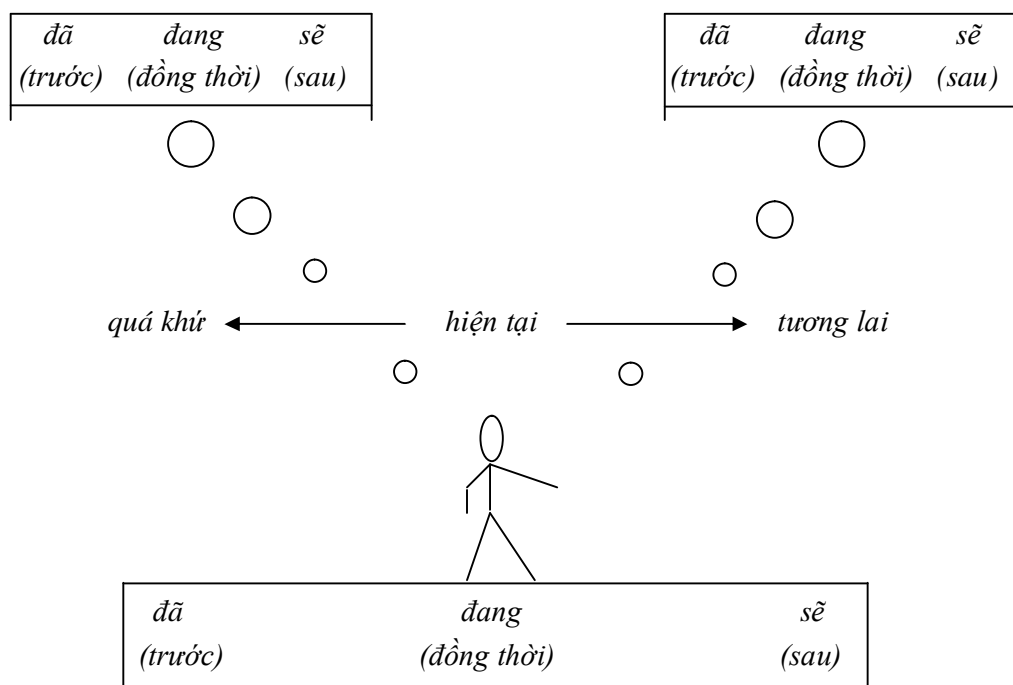
Quan hệ thời gian không đồng nghĩa với thời gian. Thời gian được thể hiện bằng các khái niệm *hiện tại, quá khứ, tương lai* còn quan hệ thời gian được thể hiện bằng những khái niệm *đồng thời, trước* và *sau*. Các thuật ngữ *đang, đã, sẽ* thuộc phạm trù thứ hai nêu trên và có nhiệm vụ đi kèm động từ để phản ánh trật tự của các sự việc. Thời gian và quan hệ thời gian không phải lúc nào cũng trùng nhau. Nếu chúng ta lấy thời điểm phát ngôn của mình làm mốc, tức là nếu chúng ta đặt mình vào khung thời gian tuyệt đối, thì hai hệ thống này chồng khớp lên nhau : *đang* có nghĩa là *đồng thời*, cũng có nghĩa là *hiện tại*; *đã* có nghĩa là *trước*, cũng có nghĩa là *quá khứ*; *sẽ* có nghĩa là *sau*, cũng có nghĩa là *tương lai*. Nhưng nếu chúng ta lấy một điểm nào đó ngoài thời điểm phát ngôn để làm mốc, tức là nếu chúng ta đặt mình vào khung thời gian tâm lí, hệ thống *đang, đã, sẽ* chỉ còn giữ lại ý nghĩa về quan hệ thời gian : *đang* chỉ có nghĩa là *đồng thời*, *đã* chỉ có nghĩa là *trước*, *sẽ* chỉ có nghĩa là *sau*; còn các giá trị *hiện tại, quá khứ, tương lai* phải được xác định bởi thời điểm phát ngôn, tức thời hiện tại của khung thời gian tuyệt đối. Đó chính là trường hợp của những ví dụ được nêu ở đầu bài viết này. Ngoài ví dụ (1) đã được phân tích, trong ví dụ :

(2) *Tối hôm đó, tôi về tới nhà lúc 9 giờ. Mọi người đang xem tivi.*

người ta có thể thấy *đang* diễn đạt tính đồng thời của *xem* so với điểm mốc *Tối hôm đó... lúc 9 giờ*, nhưng thời điểm thật của *xem* lại không phải là hiện tại, mà là quá khứ, căn cứ vào thời điểm phát ngôn của câu nói trên. Những ví dụ còn lại có thể

được giải thích tương tự và hiện tượng sử dụng khung thời gian tâm lí để phân bố *đang, đã, sẽ* là một hiện tượng rất phổ biến.

Như vậy, trong bất kì trường hợp nào, ý nghĩa về quan hệ thời gian của *đang, đã, sẽ* cũng là cố định và được xác định bằng nội dung của văn bản. Trong khi đó, giá trị thời gian của những thuật ngữ này là dao động và phải được xác định bằng tình huống giao tiếp, tức ngoài văn bản.



Tuy nhiên, không phải lúc nào việc thiết lập khung thời gian tâm lí cũng xuất phát từ ý muốn của chúng ta. Dưới tác động của một số cấu trúc cú pháp, việc lui về quá khứ hay tiến tới tương lai (trong suy nghĩ) là một điều bắt buộc. Đó là trường hợp của câu phức, một cấu trúc gồm một mệnh đề chính và một mệnh đề phụ.

Khi mệnh đề chính có động từ ở thì quá khứ, về mặt tâm lí, chúng ta bị kéo lui về quá khứ, và chúng ta sử dụng thời điểm đó như điểm mốc để định vị các sự việc còn lại của câu chuyện. Theo qui luật tự nhiên, việc chọn một điểm mốc ngoài thời điểm phát ngôn làm sinh ra khung thời gian tâm lí và buộc điểm mốc

đó phải đứng ở vị trí trung tâm của khung thời gian này. Kết quả là bất cứ sự việc nào xảy ra sau điểm mốc nói trên đều phải được coi là tương lai, tức phải được diễn đạt là *sẽ*, dù trên thực tế sự việc đó đã xảy ra. Trong trường hợp này, chữ *sẽ* của câu nói phải nằm giữa *đã* và *đang* của khung thời gian tuyệt đối. Đó là trường hợp của ví dụ (3).

(3) *Anh thấy chưa. Tôi đã nói là cô ấy sẽ đến mà.*

KTGTL	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã</i> <i>đang</i> <i>sẽ</i> </div>
	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã nói</i> <i>sẽ đến</i> </div>

KTGTĐ	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã</i> <i>đang</i> <i>sẽ</i> </div>
-------	--

(KTGTL : khung thời gian tâm lí; KTGTĐ : khung thời gian tuyệt đối)

Tương tự như vậy, khi động từ của mệnh đề chính ở thì tương lai, về mặt tâm lí, chúng ta bị đẩy tới tương lai và chúng ta sử dụng thời điểm đó như điểm mốc để định vị các sự việc còn lại. Như đã nói trên, việc chọn một điểm mốc ngoài thời điểm phát ngôn làm sinh ra khung thời gian tâm lí và buộc điểm mốc đó phải đứng ở vị trí trung tâm của khung thời gian này. Kết quả là bất kì sự việc nào xảy ra trước điểm mốc nói trên đều phải được coi là quá khứ và được diễn đạt là *đã*, dù trên thực tế sự việc đó chưa xảy ra. Trong trường hợp này, chữ *đã* của câu nói phải nằm giữa *đang* và *sẽ* của khung thời gian tuyệt đối. Đó là trường hợp của ví dụ (4) :

(4) *Tôi sẽ vào trường y. Một ngày nào đó mọi người sẽ thấy là tôi đã hành động đúng.*

KTGTL	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã</i> <i>đang</i> <i>sẽ</i> </div>
	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã hành động</i> <i>sẽ thấy</i> </div>
KTGTĐ	<div style="display: flex; justify-content: space-around; width: 100%;"> <i>đã</i> <i>đang</i> <i>sẽ</i> </div>

Tính bắt buộc của khung thời gian tâm lí trong các câu phức, một lần nữa, cho phép khẳng định rằng tư duy của chúng ta sử dụng hệ thống *đang, đã, sẽ* theo quan hệ thời gian, khi đã có một thời điểm được chọn làm mốc ; còn thời điểm thật của các sự việc trên dòng thời gian tuyệt đối thì không đóng vai trò quyết định trong hoạt động của hệ thống này. Điều đó giải thích tại sao chúng ta có *đang, đã, sẽ* cho hiện tại, có *đang, đã, sẽ* cho quá khứ và có *đang, đã, sẽ* cho tương lai, tức là cả những trường hợp “trung thành” và những trường hợp “không trung thành” với thực tế. Như vậy, việc giải thích cách dùng của *đang, đã, sẽ* không thể chỉ dựa vào thời điểm phát ngôn của câu nói, mà còn phải căn cứ vào điểm mốc mà người nói đã chọn. Thời điểm phát ngôn cho chúng ta biết thời gian thật của các sự việc, còn điểm mốc cho chúng ta biết *đang, đã, sẽ* được qui chiếu về đâu.

Trên bình diện giao tiếp, có thể nhận xét thêm rằng việc thay đổi khung thời gian là một diễn biến thường xuyên trong suy nghĩ của con người. Mỗi câu chuyện hàng ngày của chúng ta là một sự “đi đi – về về” giữa khung thời gian tuyệt đối và khung thời gian tâm lí, giữa điểm mốc thật và điểm mốc ảo. Sự luân chuyển này không những thể hiện tính linh hoạt trong tư duy của con người, mà còn cho thấy sự cần thiết của một điểm tựa đối với những khung cảnh không thuộc về hiện tại. Nếu không có điểm mốc thật của khung thời gian tuyệt đối, sẽ không có lí do cho bất kì giao tiếp nào. Nhưng nếu không có điểm mốc ảo của khung thời gian tâm lí, sẽ không có trật tự nào cho các sự việc được nói đến. Sự luân chuyển giữa hai điểm mốc và hai khung thời gian là sự bảo đảm cho tính thời sự của thông tin, đồng thời là sự bảo đảm cho trình tự logic của các sự việc. Trong những câu nói thông thường dưới đây, chúng ta có thể quan sát trường hợp luân chuyển *khung thời gian tuyệt đối – khung thời gian tâm lí – khung thời gian tuyệt đối*.

(5) *Tôi nhớ rất rõ rằng lúc đó tỉ số còn đang là 0 - 0, tôi chắc chắn đấy.*

(6) *Cô ấy cho rằng 24 giờ nữa họ đã về tới nhà rồi, anh có nghĩ vậy không ?*

Để kết luận, có thể nói rằng quan niệm về dòng chảy thời gian là một quan niệm mang tính triết học và quan niệm đó được cụ thể hoá cho các sự việc của mỗi câu chuyện hàng ngày, nhằm tạo ra trật tự cho những sự việc đó. Nhưng vì nội dung giao tiếp là một thế giới ảo và vì việc thiết lập trật tự thời gian trong câu

chuyện là một nhu cầu lặp đi lặp lại trong giao tiếp, nên mặc dù quan hệ *đã*, *đang*, *sẽ* luôn luôn được tôn trọng, chúng vẫn có thể chênh lệch so với thời điểm thật của các sự việc trên dòng thời gian tuyệt đối. Nói cách khác, mọi sự việc được chúng ta kể ra đều phải tuân thủ quan hệ trước sau do khung thời gian qui định, nhưng bản thân khung thời gian lại được hưởng tính tự do của trí tưởng tượng trong việc sắp xếp nó trong câu chuyện và kết quả của hiện tượng này là *đang*, *đã*, *sẽ* không phải lúc nào cũng phản ánh chính xác thời điểm của các sự việc diễn ra trên thực tế. Xét dưới góc độ này, có thể nói rằng *đang*, *đã*, *sẽ* trong những câu nói hàng ngày, thực ra là một “bản sao” của *đang*, *đã*, *sẽ* trên dòng thời gian tuyệt đối, nhưng đã được thu nhỏ và được “gán” cho những thời kì khác nhau của dòng chảy tuyệt đối.

Một điểm quan trọng khác cần được nhắc đến, đó là vấn đề nội hàm của *đang*, *đã*, *sẽ*. Khuyết hướng chung hiện nay cho rằng : những thuật ngữ trên diễn đạt thể của hành động, chứ không phải thời của nó. Chia sẻ quan điểm của Cao Xuân Hạo, Đỗ-Hurinville Danh Thành, trong “*Thời và thể trong tiếng Việt*”, cho rằng “*Khi đã* kết hợp với vị từ động thì nó chỉ định rằng các vị từ này đã đạt đến mức cao độ để chuyển sang trạng thái tĩnh. Nói cách khác, *đã* hướng tới kết quả ở trạng thái tĩnh của các vị từ này ở một thời điểm nào đó được chọn làm mốc” [2]. Về vấn đề này, chúng tôi có hai nhận xét.

Thứ nhất, nếu *đang*, *đã*, *sẽ* chỉ diễn đạt thể, vấn đề được đề cập trong bài viết này vẫn mang tính cấp thiết của nó. Thay vì đặt câu hỏi “*Tại sao một sự việc chưa xảy ra có thể được diễn đạt là đã ?*”, người ta sẽ hỏi “*Tại sao một sự việc chưa hoàn tất có thể được diễn đạt là đã ?*”. Lúc đó, những yếu tố về điểm mốc và khung thời gian vẫn phải được nêu ra để đi tìm lời giải thích cho hiện tượng chênh lệch giữa giá trị thật của thể và cách diễn đạt nó trong ngôn ngữ. Nói cách khác, bản chất của vấn đề sẽ không khác đi nếu chúng ta thay thời bằng thể.

Thứ hai, tách thời và thể thành hai phạm trù riêng biệt có lẽ không hoàn toàn hợp lí. Trong thời kì sơ khai của hoạt động ngôn ngữ ở loài người, diễn đạt thời là một thao tác hết sức khó khăn, đặc biệt đối với thời quá khứ (thậm chí khái niệm “*thời gian*” đã có lúc không tồn tại). Hơn nữa, việc mô tả một trạng thái trước mắt bao giờ cũng dễ hơn việc mô tả một tiến trình trong quá khứ. Vì vậy, trong buổi ban đầu của hoạt động ngôn ngữ, thể của động từ đã là một

lựa chọn được ưu tiên. Song, không nên quên rằng dưới tác động của thời gian, cùng với sự phát triển tư duy của con người, mọi hiện tượng của ngôn ngữ đều có thể bị thay đổi. Không hề thiếu căn cứ nếu chúng ta cho rằng ở một thời điểm nào đó của lịch sử tiếng Việt, thể đã sinh ra thời. Nói một cách cụ thể, thuật ngữ *đã*, bên cạnh ý nghĩa về trạng thái hoàn tất, đã sinh ra khái niệm “thời quá khứ”, theo qui luật hàm ý (nếu một sự việc đang ở trong trạng thái hoàn tất, quá trình của nó ắt đã xảy ra). Hệ quả của qui luật này là trong tiếng Việt hiện đại, ý nghĩa về thời quá khứ của *đã* có một chỗ đứng vững chắc. Ngày nay chúng ta vừa có thể nói *Nó đã tới* (thể hoàn thành), vừa có thể nói *Nó đã tới lúc 9 giờ* (thời quá khứ). Sự có mặt của *lúc 9 giờ* cho thấy rằng *đã tới* phải được hiểu như một hành động, chứ không phải như một trạng thái. Nếu không, người ta có quyền nghi ngờ tính xác đáng của một bổ ngữ điểm tính như *lúc 9 giờ* đối với một trạng thái vốn được coi là “tĩnh”. Hãy quan sát thêm một vài ví dụ : “*Mở đầu thế kỉ XV, quân nhà Minh xông vào thủ đô năm 1406 và Lê Lợi đã giải phóng Thăng Long. Sau đó gần bốn trăm năm, quân nhà Thanh lại kéo vào Thăng Long, và một ngày mừng năm Tết năm đó (1789) vua Quang Trung đã thần tốc và oanh liệt mà giải phóng Thăng Long.*” [4]

Trong đoạn văn trên, *đã* được sử dụng hai lần. Sự có mặt của bổ ngữ điểm tính trong cả hai trường hợp, cùng với cung cách “ăn miếng trả miếng” của các sự kiện lịch sử, khiến những sự kiện này tạo cảm giác *hành động – hành động*, chứ không phải *hành động – trạng thái*, mặc dù trong cả hai câu, động từ “*giải phóng*” đều được diễn đạt bằng *đã*. Đặc biệt, các trạng từ “*thần tốc*” và “*oanh liệt*” càng làm người đọc liên tưởng đến một quá trình hơn là kết quả của nó (có trạng thái nào mang tính “*thần tốc*” hay “*oanh liệt*” không ?). Và trong cả hai trường hợp, cũng không thể lập luận rằng “*đã*” được dùng để thông báo kết quả của “*giải phóng*” so với thời hiện tại, vì đó không phải là chức năng của những bài viết về lịch sử. Tất cả những cảm nhận trên sẽ được khẳng định nếu chúng ta quan niệm một cách đơn giản rằng trong cả hai trường hợp, “*đã*” diễn đạt thời quá khứ của hành động. Trong câu :

Ông ở tận nhà thờ bên phủ Doan sang, có lẽ đã đạp xe suốt đêm qua. [5]

mặc dù có sự hiện diện của “*đã*”, hình ảnh “*suốt đêm qua*” cũng khó làm cho người đọc liên tưởng đến một trạng thái “tĩnh” nào đó sau “*đạp xe*”. Ngược lại, nó nhấn mạnh hành động “*đạp xe*” bằng cách kéo dài quá trình của nó.

Những hiện tượng nêu trên, ít nhất cũng báo hiệu rằng một số bổ ngữ của động từ có khả năng làm cho *đã* thiên về thời hơn là thể. Đó là những bổ ngữ chỉ thời điểm, cường độ hành động và phương thức hành động. Nói cách khác, tự thân *đã* không có giá trị ngữ nghĩa cố định và không bị ấn định vĩnh viễn cho thời hay thể mà phụ thuộc vào ngữ cảnh. Bên cạnh đó, cần phải thấy rằng những loại động từ khác nhau cũng có thể tạo ra những cảm giác khác nhau về ý nghĩa của *đã*. Nếu “*anh ấy đã đến*” cho một hình ảnh khá rõ nét về kết quả của hành động, “*anh ấy đã đạp xe*” không đem lại cảm giác tương tự. Tất cả những điều này cho thấy rằng chúng ta không thể giới hạn vấn đề về thể trong phạm vi bản thân phó từ, mà còn phải tính tới nhiều yếu tố khác có mặt trong câu. Vai trò của ngữ cảnh thường được chúng ta coi trọng trong việc phân tích ý nghĩa của các đơn vị cú pháp, đây có lẽ là lúc chúng ta phải tôn trọng nguyên tắc đó. Ngoài ra, cũng cần phải thấy rằng nếu chúng ta quá nhấn mạnh trạng thái “tĩnh” của *đã*, chúng ta có nguy cơ đồng hoá *đã* với *đang*, một điều khó chấp nhận. Cuối cùng, có một câu hỏi mà chúng ta phải trả lời cho được trước khi tiến hành những nghiên cứu sâu rộng, đó là : “*đã*” có diễn đạt thể không, hay thực ra cho phép suy diễn ra thể ? Bởi vì *diễn đạt* và *cho phép suy diễn* là hai hiện tượng khác nhau. Nếu chúng ta chủ trương rằng thể là cái được suy diễn thì mọi chuyện trở nên hết sức tế nhị, vì suy cho cùng, ngôn cách nào cũng cho phép suy diễn và toàn bộ vấn đề của chúng ta, lúc đó sẽ được qui về một kết luận hết sức đơn giản nhưng thật đáng lo ngại : động từ nào cũng là thể. Nhưng đây đã là một vấn đề lớn, cần một góc độ nghiên cứu khác và phải được dành cho một diễn đàn khác.

Tài liệu tham khảo

- [1]. CAO XUÂN HẠO (1998), *Tiếng Việt. Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. ĐỖ - HURINVILLE DANH THÀNH (2005), *Thời và thể trong tiếng Việt*, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 2 (189), Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
- [3]. GOSSELIN L. (1996), *Smantique de la temporalit en français*, NXB Duculot, Louvain-la-Neuve.

- [4]. NGUYỄN TUÂN (1986), *Chuyên nghệ*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [5]. TÔ HOÀI (2000), *Cát bụi, chân ai*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

Tóm tắt

Hình ảnh của thời gian trong ngôn ngữ

Những khái niệm điểm “mốc” và “khung thời gian” từ lâu, đã được các nhà ngôn ngữ học sử dụng để giải thích cách diễn đạt thời gian trong ngôn ngữ, Song, có lẽ nguyên tắc hoạt động của những hiện tượng trên vẫn cần được mô tả một cách đầy đủ và có hệ thống. Bài viết này có mong muốn góp phần tìm hiểu về một ngôn cách rất thông dụng trong những câu nói hàng ngày, nhưng lại khá bí ẩn với chính bản thân người sử dụng.